|  |  |
| --- | --- |
| **UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**  **Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp Sở, ban, ngành và địa phương (DDCI)** | **PHIẾU KHẢO SÁT B**  ***(Khối địa phương)*** |
|  | **Thành phố Hải Phòng** |
| **CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP**  **SỞ, BAN, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG (DDCI) 2022** |

**Quận/huyện**: …………………

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã phiếu: QH-2022-** |  |  |  |  |

Thời gian (giờ, ngày/tháng/năm): .............,........../........./2022

Họ và tên điều tra viên: ………………………………/ SĐT.......................Chữ ký: ……………..........

Họ và tên người soát phiếu hỏi: …………………………/ Chữ ký: ..……………................................

***Tên tôi là: …………., điều tra viên của Chương trình“Triển khai đánh giá chỉ số năng lực cạnh tranh cấp Sở, ban, ngành và địa phương (DDCI) thành phố Hải Phòng năm 2022”. Chương trình được Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện để đánh giá năng lực quản lý, điều hành kinh tế và cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh của các Sở, ban, ngành và UBND các quận, huyện trên địa bàn thành phố. Tôi xin phép được trao đổi với ông/bà các nội dung được đề cập đến trong phiếu khảo sát. Chúng tôi sẽ không chia sẻ tên của ông/bà với bất kỳ ai. Thông tin mà ông/bà cung cấp, chúng tôi sẽ chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu. Xin ông/bà mạnh dạn hỏi lại bất cứ khi nào nếu không hiểu câu hỏi.***

***Rất cảm ơn sự cộng tác của ông/bà. Bây giờ tôi xin phép được bắt đầu.***

|  |
| --- |
| **A. THÔNG TIN CHUNG** |
| **A1. Cơ sở SXKD ông bà là:** ☐ (1) DN đăng ký theo Luật DN ☐ (2) HTX đăng ký theo Luật HTX  ☐ (3) Tổ hợp tác ☐ (4) Hộ kinh doanh (HKD)  **A2. Tên cơ sở sản xuất kinh doanh (SXKD):** …………………………………………………………………………  **A3. Địa chỉ:** ……………………………………………………………………………………………………………...  **A4. Số điện thoại của chủ cơ sở (người trả lời):** ………………………………………………………………………  **A5. Giới tính của chủ cơ sở: 🞎** (1) Nam **🞎** (2) Nữ |
| **TỔNG QUAN TÌNH HÌNH SẢN XUẤT, TRIỂN VỌNG KINH DOANH VÀ MÔI TRƯỜNG KINH DOANH** |
| **A6. Năm đăng ký kinh doanh của cơ sở SXKD?**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | (1) Không đăng ký kinh doanh | (3) Cách đây 2-5 năm | (5) Cách đây trên 10 năm | | (2) Cách đây < 2 năm | (4) Cách đây 6-10 năm |  |   **A7. Lĩnh vực ngành nghề kinh doanh CHÍNH** *(là lĩnh vực tạo ra doanh thu lớn nhất)* **tại cơ sở SXKD là gì?**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | (1) Nông/Lâm nghiệp/ Thủy sản | (2) Công nghiệp - Xây dựng | (3) Thương mại - Dịch vụ |   **A8.Tình hình hoạt động của cơ sở SXKD trong năm vừa qua so với năm trước?**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | (1) Thua lỗ lớn | (2) Thua lỗ chút ít | (3) Hòa vốn | (4) Lãi chút ít | (5) Lãi như/hơn mong muốn |   **A9.Tác động của dịch Covid-19 đối với cơ sở SXKD**?   |  |  | | --- | --- | | **☐** (1) Tác động rất tiêu cực tới hoạt động, thị trường và doanh thu  **☐** (2) Tác động tiêu cực nhưng ở mức vừa phải  **☐** (3) Không tác động | **☐** (4) Có tác động chút ít nhưng theo hướng tích cực  **☐** (5) Thúc đẩy mạnh mẽ cơ sở SXKD tìm cơ hội và hướng đi mới, tiến hành tái cấu trúc do hoàn cảnh dịch bệnh. |   **A10. Dự định kinh doanh của ông/bà trong vòng 1-2 năm tới là gì?**   |  |  | | --- | --- | | ☐ (1) Có kế hoạch đóng cửa  ☐ (2) Có kế hoạch giảm quy mô  ☐ (3) Sẽ tiếp tục với quy mô hiện tại | ☐ (4) Có kế hoạch tăng quy mô một chút  ☐ (5) Có kế hoạch tăng quy mô đáng kể/ Chuyển sang mô hình DN |   **A.11. Ông/bà đánh giá thế nào về hiệu quả của việc triển khai chuyển đổi số/ứng dụng CNTT ở quận/huyện này và thành phố trong năm qua?**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | (1) Không đáp ứng được nhu cầu thực tế, lãng phí thời gian, chi phí hơn | (2) Triển khai nhưng nhiều hạn chế, gây tốn chi phí, thời gian của DN | (3) Triển khai nhưng hiệu quả bình thường | (4) Khá hiệu quả, giảm được tương đối chi phí, thời gian | (5) Rất hiệu quả, bắt kịp thực tế, giảm nhiều chi phí, thời gian so với trước đây |   **A12. Ông/bà thường làm TTHC ở quận/huyện theo cách nào?**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | (1) Tự làm trên giấy và nộp trực tiếp | (2) Tự làm trên giấy và nộp qua bưu chính | (3) Thuê tư vấn, luật sư thực hiện | (4) Vừa làm trực tuyến vừa làm thủ công | (5) Tự làm trực tuyến |   **A13. Ông/bà thường mất thời gian nhiều nhất ở các bước nào trong quá trình thực hiện TTHC ở quận/huyện này?**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | (1) Tìm hiểu thủ tục | (2) Chuẩn bị hồ sơ | (3) Nộp hồ sơ | (4) Điều chỉnh, hoàn thiện hồ sơ | (5) Nhận kết quả |   **A14. Trong quá trình thực hiện TTHC và làm việc với quận/huyện, ông/bà đánh giá những lĩnh vực nào mất nhiều thời gian, thủ tục phức tạp nhất?**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | 1. Kế hoạch và Tài Chính  4. Giao thông - Vận tải  7. Nông nghiệp & PTNT  10. Du lịch  13. Văn hóa - Thể thao | 2. Tài nguyên và MT  5. Công Thương  8. Giáo dục & Đào tạo  11. Lao động-TB&XH  14. Y tế | 3. Xây dựng  6. Tư pháp  9. Khoa học &CN  12. Thông tin &TT |   **A15. Nhận xét chung về chất lượng của hoạt động quản lý, điều hành phát triển KT-XH của cơ quan chính quyền địa phương trong năm vừa qua?**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | (1) Giảm và xấu đi rất nhiều | (2) Giảm và xấu đi chút ít | (3) Không có cải thiện | (4) Có cải thiện nhưng chậm | (5) Cải thiện đáng kể, rõ nét |   **A16.** **Theo ông/bà, chính quyền quận/huyện đã dành sự quan tâm đến các vấn đề phát triển bền vững, bao trùm (xã hội, môi trường sinh thái, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh…) trong các hoạt động quản lý, điều hành kinh tế chưa?**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | (1) Chưa quan tâm, chỉ tập trung vào kinh tế | (2) Ít quan tâm | (3) Có quan tâm nhưng chưa có nhiều hoạt động lồng ghép | (4) Quan tâm và có nhiều hoạt động lồng ghép | (5) Đặc biệt quan tâm, chú trọng, luôn lồng ghép nhiều hoạt động |   **A17.** **Theo ông/bà, chính quyền quận/huyện đã dành sự quan tâm đến các giá trị văn hóa, truyền thống và lịch sử trong các hoạt động quản lý, điều hành kinh tế?**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | (1) Chưa quan tâm, chỉ tập trung vào kinh tế | (2) Ít quan tâm | (3) Có quan tâm nhưng chưa có nhiều hoạt động lồng ghép | (4) Quan tâm và có nhiều hoạt động lồng ghép | (5) Đặc biệt quan tâm, chú trọng, luôn lồng ghép nhiều hoạt động | |

|  |
| --- |
| **B. NĂNG LỰC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH KINH TẾ VÀ NĂNG LỰC CẠNH TRANH**  **CỦA ĐỊA PHƯƠNG** |
|  |
| **1 - GIA NHẬP THỊ TRƯỜNG, HOẠT ĐỘNG CẤP PHÉP VÀ THỰC HIỆN TTHC** |
| *\* Lưu ý: Đối với đối tượng là DN thì đánh giá quy trình thực hiện TTHC tại quận/huyện thực hiện.*  **B1. Tổng thời gian mà ông/bà đã dành cho việc tìm hiểu thông tin về trình tự, thủ tục hành chính** *(lần đầu hoặc điều chỉnh)* **là bao lâu?**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | (1) ≥ 7 ngày | (2) 5-6 ngày | (3) 3-4 ngày | (4) 1-2 ngày | (5) <1 ngày |   **B2. Ông/bà bị yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ bao nhiêu lần rồi mới được chấp nhận là hồ sơ hợp lệ?**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | (1) ≥ 5 lần | (2) 4 lần | (3) 2-3 lần | (4) **1** lần | (5) 0 lần |   **B3-B10. Để đi vào chính thức hoạt động, ông/bà đánh giá thế nào về quy trình thực hiện các thủ tục, quy định để có được các giấy phép/thủ tục sau:**   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Giấy phép/Thủ tục** | Rất phức tạp, khó khăn | Phức tạp, khó khăn | Bình thường | Dễ dàng, thuận lợi | Rất dễ dàng, thuận lợi | |  | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | | ***B3.*** *Đăng kí kinh doanh* |  |  |  |  |  | | ***B4.*** *Đất đai - địa chính* |  |  |  |  |  | | ***B5.*** *Xây dựng như giấy phép xây dựng (trong thẩm quyền của quận, huyện)…* |  |  |  |  |  | | ***B6.*** *Giấy chứng nhận thực hiện các quy định an toàn thực phẩm* |  |  |  |  |  | | ***B7.*** *Công Thương như giấy phép kinh doanh/giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh ngành nghề có điều kiện thuộc lĩnh vực công thương (như sản xuất kinh doanh rượu, bia, thuốc lá, khí dầu mỏ, hóa lỏng…)…* |  |  |  |  |  | | ***B8.*** *Tài nguyên-MT như giấy phép thực hiện các quy định về TN-MT…* |  |  |  |  |  | | ***B9.*** *Nông nghiệp* |  |  |  |  |  | | ***B10.*** *Văn hóa - thể thao - du lịch* |  |  |  |  |  |   **B11-B13. Liên quan đến thực hiện TTHC tại bộ phận một cửa của quận, huyện, mức độ hài lòng củaông/ bà về các tiêu chí sau:**   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Các tiêu chí** | Hoàn toàn không hài lòng | Không hài lòng | Trung bình | Tương đối hài lòng | Rất hài lòng | |  | **(1)** | **(2)** | **(3)** | **(4)** | **(5)** | | ***B11.*** *Chuyên môn, hiệu quả giải quyết công việc và chất lượng cung cấp các chỉ dẫn phù hợp của cán bộ, công chức khi tiếp xúc với các cơ sở SXKD* |  |  |  |  |  | | ***B12.*** *Thái độ phục vụ và sự nhiệt tình của cán bộ, công chức khi tiếp xúc với các cơ sở SXKD* |  |  |  |  |  | | ***B13.*** *Quy trình, thủ tục giải quyết TTHC đúng như văn bản quy định* |  |  |  |  |  |   **B14. Ông/bà đánh giá tác động của những khó khăn khi thực hiện TTHC ở quận/huyện này đến kế hoạch kinh doanh của ông/bà?**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | (1) Phải hủy bỏ kế hoạch kinh doanh | (2) Phải trì hoãn kế hoạch kinh doanh | (3) Không tác động gì | (4)Giúp DN cải thiện hoạt động kinh doanh | (5) Tạo cơ hội khác kinh doanh tốt hơn |   **B15. Thời gian ông/bà bỏ ra để hoàn thành TẤT CẢ các thủ tục cần thiết (từ khi chính thức tìm hiểu thủ tục đến khi nhận được kết quả cuối cùng)?**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | (1) Hơn 15 ngày | (2) 11-15 ngày | (3) 6-10 ngày | (4)2-5 ngày | (5) ≤ 1 ngày |  |  | | --- | | **2- TÍNH MINH BẠCH VÀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN** |   **B16-B19. Ông/ bà hãy đánh giá mức độ thuận lợi khi tiếp cận với các thông tin sau ở quận, huyện:**   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Các thông tin** | Không thể tiếp cận | Có thể, nhưng khó | Tiếp cận bình thường | Tương đối dễ tiếp cận | Rất dễ tiếp cận | |  | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | | ***B16.*** *Văn bản quy phạm pháp luật; TTHC;* *cơ chế chính sách mới* |  |  |  |  |  | | ***B17.*** *Bản đồ, quy hoạch sử dụng đất của quận/huyện, với các thông tin công khai về giải tỏa và giá đền bù trong giải phóng mặt bằng* |  |  |  |  |  | | ***B18.*** *Dự án, hạng mục đầu tư, đấu thầu, mua sắm công do quận, huyện quản lý* |  |  |  |  |  | | ***B19.*** *Ngân sách, đặc biệt là các khoản đóng góp của cơ sở SXKD* |  |  |  |  |  |   **B20. Ông/bà đánh giá thế nào về chất lượng công bố thông tin, hướng dẫn về thực hiện TTHC hoặc công việc có liên quan tại quận, huyện mình?**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | (1) Không đầy đủ, rõ ràng, thiếu công khai | (2) Chỉ có một số thông tin rõ ràng, công khai | (3) Bình thường | (4) Tương đối đầy đủ, rõ ràng, công khai | (5) Rất đầy đủ, rõ ràng, công khai |   **B21. Nếu cơ sở SXKD của ông/bà có yêu cầu chính quyền quận, huyện cung cấp thông tin, văn bản KHÔNG CÓ SẴN trên các phương tiện thông tin đại chúng hoặc trực tiếp tại trụ sở thì ông/bà đánh giá thế nào về tính chủ động và kịp thời của chính quyền trong việc cung cấp thông tin theo yêu cầu của ông/bà?**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | (1) Yêu cầu nhưng không nhận được | (2) Nhận được nhưng rất chậm trễ | (3) Nhận được theo đúng thời hạn | (4)Nhận được nhanh chóng | (5) Nhận được rất nhanh chóng, gần như ngay lập tức |   **B22. Ông/bà đánh giá thế nào về nhận định: *“Cơ sở SXKD của tôi KHÔNG cần phải có mối quan hệ với cán bộ nhà nước để được thuận lợi hơn trong tiếp cận các thông tin, tài liệu quan trọng và giải quyết TTHC tại quận, huyện”***   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | (1) Hoàn toàn không đồng ý | (2) Không  đồng ý | (3) Đồng ý  một phần | (4) Đồng ý | (5) Hoàn toàn đồng ý |   **B23. Ông/bà đánh giá thế nào về mức độ hữu ích của thông tin trên trang web của quận, huyện đối với cơ sở SXKD trong việc tìm kiếm thông tin?** *(website có tên miền kết thúc bằng gov.vn)*   |  |  | | --- | --- | | (1) Không hữu ích dù từng truy cập *hoặc* không biết có trang web/biết nhưng chưa từng truy cập | (3)Bình thường  (4)Tương đối hữu ích | | (2) Có hữu ích nhưng không đáng kể | (5) Rất hữu ích |   **B24. Ông/bà đánh giá mức độ minh bạch thông tin khi quận/huyện ứng dụng CNTT để DN/HTX tra cứu tình trạng và tiến độ xử lý hồ sơ?**   |  |  | | --- | --- | | (1) Không thể tra cứu được | (3)Tra cứu bình thường  (4)Tra cứu tương đối đầy đủ thông tin | | (2) Tra cứu được nhưng không có thông tin | (5) Tra cứu rất đầy đủ thông tin |   **B25. Mức độ thực hiện TTHC trực tuyến/ ứng dụng phương thức mới của ông/bà khi thực hiện TTHC ở quận, huyện?**  (1) Hoàn toàn không sử dụng CNTT/Internet. Đến thẳng cơ quan làm và nộp phí (nếu có) trực tiếp  (2) Có tìm hiểu thông tin trên Internet nhưng vẫn thực hiện TTHC và nộp phí (nếu có) trực tiếp  (3)Tải mẫu biểu trên trang web để khai báo rồi gửi nộp và nộp phí (nếu có) trực tiếp  (4)Điền và gửi toàn bộ hồ sơ, nhận trả kết quả trên môi trường mạng, nhưng không nộp phí (nếu có) trực tuyến  (5) Điền và gửi toàn bộ hồ sơ, nhận kết quả trên môi trường mạng đồng thời thanh toán phí (nếu có) trực tuyến  **B26. Ông/bà đánh giá thế nào về mức độ ứng dụng CNTT/sử dụng nhiều phương thức mới, các xu thế của kinh tế số, chuyển đổi số, công nghiệp 4.0 (*hỏi đáp trực tuyến trên trang web, email, MXH, hotline hỗ trợ…)* để công khai thông tin và giải đáp thắc mắc/ ý kiến/ tham vấn của các DN/HTX tại SỞ/BAN/NGÀNH NÀY?**   |  |  | | --- | --- | | (1) Chưa ứng dụng, làm hoàn toàn trực tiếp  (2) Vẫn làm trực tiếp nhưng chỉ có một vài bước sử dụng CNTT/ phương thức mới  (3) Làm trực tiếp và có sử dụng nhiều CNTT/ phương thức mới | (4)Gần như đã ứng dụng toàn bộ CNTT/ phương thức mới  (5) Ứng dụng hoàn toàn CNTT/ phương thức mới rất hiệu quả | |
| **3 - TÍNH NĂNG ĐỘNG VÀ TIÊN PHONG CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG** |
| **B27-B32. Theo quan sát và cảm nhận tại quận/huyện mình, ông/bà đánh giá thế nào về các nhận định sau liên quan đến tính năng động, sáng tạo của địa phương (UBND quận, huyện và các phòng, ban trực thuộc)?**  *Tính năng động, sáng tạo của địa phương được hiểu trong bối cảnh triển khai các quyết định, chính sách, quy định của pháp luật và UBND thành phố*.   | **Các nhận định** | Hoàn toàn không đồng ý | Không đồng ý | Đồng ý một phần | Đồng ý | Hoàn toàn đồng ý | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | | ***B27.*** *“Thực hiện hiệu quả và linh hoạt các chương trình, chủ trương của UBND thành phố trong khuôn khổ pháp luật, nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho các cơ sở SXKD”* |  |  |  |  |  | | ***B28.*** *“Khi quy định của Trung ương và thành phố chưa rõ ràng, UBND quận/huyện rất sáng tạo và mạnh dạn triển khai các chủ trương/quyết định, giải quyết các vấn đề phát sinh mới và tham mưu UBND thành phố các đề xuất phù hợp”* |  |  |  |  |  | | ***B29.*** *“Không có hiện tượng trì hoãn/chậm trễ hay đùn đẩy trách nhiệm khi thực hiện các quyết định/chủ trương của UBND thành phố và cấp TW”* |  |  |  |  |  | | ***B30. “****Việc**thực hiện chủ trương, chính sách của ngành, thành phố trong việc tạo thuận lợi cho cơ sở SXKD hoạt động là ổn định, nhất quán”* |  |  |  |  |  | | ***B31.*** *“Lãnh đạo địa phương thể hiện tinh thần dám quyết/dám làm và dám chịu trách nhiệm trong việc thực thi các quy định, chính sách và tiên phong thực hiện cải cách”* |  |  |  |  |  | | ***B32.*** *“Lãnh đạo địa phương đã giám sát và có biện pháp kịp thời để xử lý các trường hợp gây nhũng nhiễu, khó khăn cho các cơ sở SXKD”.* |  |  |  |  |  |   **B33. Ông/ bà đã bao giờ được mời tham gia góp ý kiến, đối thoại về các chính sách, quy hoạch, kế hoạch phát triển của quận/huyện, phường/xã, ngành?**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | (1) Không bao giờ | (2) Hiếm khi | (3)Thỉnh thoảng | (4)Thường xuyên | (5) Luôn luôn |   **B34. Ông/bà đánh giá thế nào về chất lượng của các cuộc đối thoại, tham gia ý kiến của các SỞ/BAN/NGÀNH NÀY?**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | (1) Không hiệu quả, chỉ hình thức | (2) Kém hiệu quả, vẫn nặng hình thức | (3) Bình thường | (4) Khá hiệu quả, thực chất | (5) Rất hiệu quả, thực chất |   **B35. Mức độ tin tưởng và ủng hộ của ông/bà đối với lãnh đạo của địa phương trong quá trình điều hành, cải thiện môi trường kinh doanh?**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | (1) Không tin tưởng, ủng hộ | (2) Ít tin tưởng, ủng hộ | (3)Bình thường | (4)Khá ủng hộ, tin tưởng | (5) Rất ủng hộ, tin tưởng | |
| **4 - CHI PHÍ THỜI GIAN THỰC HIỆN TTHC VÀ TUÂN THỦ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT** |
| ***Chi phí thời gian thực hiện TTHC và tuân thủ quy định pháp luật*** *được hiểu là chi phí thời gian, số lần đi lại cho việc chuẩn bị hồ sơ, giấy tờ, liên lạc, tiếp xúc với cơ quan có liên quan để thực hiện quy định của pháp luật.*  **B36. Ông/bà đánh giá thế nào về thời gian thực hiện các TTHC ở quận/huyện so với quy định?**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | (1) Mất rất nhiều thời gian so với quy định | (2) Mất khá nhiều thời gian | (3) Đúng quy định, nhưng vẫn mất thời gian | (4)Đúng thời gian | (5) Ngắn hơn quy định, rất nhanh chóng |   **B37-B39. Ông/bà đánh giá về việc thực hiện TTHC trực tuyến ở quận/huyện này?**   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Đánh giá** | Hoàn toàn không đồng ý | Ít đồng ý | Bình thường | Tương đối đồng ý | Hoàn toàn đồng ý | |  | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | | ***B37.*** *Việc thực hiện các thủ tục trực tuyến là dễ dàng và đơn giản* |  |  |  |  |  | | ***B38.*** *Việc thực hiện các thủ tục trực tuyến tiết kiệm thời gian và chi phí so với phương thức truyền thống (nộp hồ sơ giấy, gặp mặt trực tiếp)* |  |  |  |  |  | | ***B39.*** *Việc thực hiện các thủ tục trực tuyến giúp không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ đã được yêu cầu cung cấp trước đó bởi một cơ quan hành chính cấp thành phố theo phương thức truyền thống* |  |  |  |  |  |   **B40. Ông/bà đánh giá chung thế nào về các nỗ lực cải cách, sáng kiến của UBND quận, huyện nhằm giảm bớt chi phí thời gian cho các cơ sở SXKD khi tuân thủ các quy định pháp luật** (ví dụ như thực hiện TTHC, dịch vụ công, nộp báo cáo, cung cấp thông tin theo quy định…)?   |  |  | | --- | --- | | (1) Gây khó khăn hơn nhiều so với quy định ban đầu, khiến tăng nhiều chi phí tuân thủ  (2) Gây khó khăn hơn chút ít so với quy định ban đầu và tăng chi phí tuân thủ chút ít  (3) Không có thay đổi hay cải tiến, vẫn theo thông lệ và quy định chung. | (4) Có một vài cải cách, hỗ trợ và có giảm bớt chi phí tuân thủ  (5) Có nhiều cải cách, hỗ trợ và giảm nhiều chi phí tuân thủ |   **B41. Số lần thanh tra, kiểm tra mà cơ sở SXKD của ông/ bà phải tiếp trong năm vừa qua?**  *(Thanh tra, kiểm tra tại địa phương bao gồm các hoạt động thanh tra, kiểm tra riêng theo kế hoạch được thông báo trước, kiểm tra đột xuất, KHÔNG THUỘC các hoạt động kiểm tra liên ngành theo kế hoạch)*   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | (1) ≥ 5 lần | (2) 4 lần | (3) 2-3 lần | (4) 1 lần | (5) 0 lần *(chuyển sang câu B.45)* |   **B42.Ông/bà đánh giá thế nào về thời gian của 1 đợt thanh tra, kiểm tra thực tế so với thời gian trong quyết định (QĐ) thanh tra, kiểm tra do UBND cấp quận, huyện ban hành?**   |  |  | | --- | --- | | (1) Quá thời gian trong QĐ  (2) Đúng thời gian trong QĐ nhưng vẫn mất thời gian  (3) Đúng thời gian trong QĐ ở mức hợp lý | (4) Ngắn hơn thời gian trong QĐ nhưng vẫn mất thời gian  (5) Không mất quá nhiều thời gian, nhanh gọn |   **B43. Theo quan sát từ các trường hợp từng bị thanh tra, kiểm tra và kinh nghiệm của mình, ông/bà đánh giá thế nào về chất lượng của các hoạt động thanh tra, kiểm tra của chính quyền quận, huyện*?***   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | (1) Rất phức tạp, hoàn toàn trùng lặp, gây cản trở cho cơ sở SXKD | (2) Khá phức tạp, trùng lặp, gây cản trở | (3) Bình thường | (4) Rõ ràng, thuận lợi cho cơ sở SXKD | (5) Rất rõ ràng, thuận lợi cho cơ sở SXKD |   **B44. Theo quan sát và kinh nghiệm của mình, ông/bà đánh giá về tình trạng các cuộc thanh tra, kiểm tra của UBND quận/huyện tạo cơ hội cho cán bộ nhũng nhiễu cho các cơ sở SXKD?**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | (1) Luôn luôn | (2) Trong hầu hết trường hợp | (3) Thỉnh thoảng | (4) Hiếm khi | (5) Không bao giờ | |
| **5 - CHI PHÍ KHÔNG CHÍNH THỨC** |
| **B45. Ông/ bà đánh giá như thế nào về mức độ phổ biến của chi phí không chính thức** *(chi phí lót tay, chi phí khác ngoài quy định của Nhà nước, ví dụ như chi phí gặp gỡ riêng lãnh đạo/cán bộ để triển khai dự án/hoạt động kinh doanh thuận lợi, khoản hoa hồng trích lại trong các gói thầu Nhà nước)* **mà****các cơ sở SXKD cùng ngành như cơ sở SXKD của ông/bà phải bỏ ra tại quận/huyện?**   |  |  | | --- | --- | | ☐ (1) Rất phổ biến, gần như thành yêu cầu mặc định ngầm  ☐ (2) Tương đối phổ biến  (3) Có nhưng không tạo gánh nặng lớn | ☐ (4) Gần như không có chi phí không chính thức, nhưng vẫn còn một vài trường hợp  ☐ (5) Hoàn toàn không có chi phí không chính thức |   **B46. Trong năm qua, cơ sở của ông/bà phải bỏ ra bao nhiêu phần trăm trong tổng thu nhập để chi các khoản không chính thức cho cán bộ quận/huyện?**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | (1) > 20% | (2) 10% - 20% | (3) 5%-10% | (4) Dưới 5% | (5) 0% |   **B47. Theo ông/bà, nếu một cơ sở SXKD đã chi khoản chi phí không chính thức, công việc có được giải quyết đúng như mong muốn không?**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | (1) Không bao giờ | (2) Hiếm khi | (3) Thỉnh thoảng | (4) Trong hầu hết trường hợp | (5) Luôn luôn |   **B48-B54. Theo quan sát các trường hợp khác tại địa phương và kinh nghiệm của mình, ông/bà hãy đánh giá về mức độ phổ biến các chi phí không chính thức khi các cơ sở SXKDthực hiện TTHC về các lĩnh vực sau ở quận/huyện:**   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Các lĩnh vực quản lý** | Rất phổ biến, gần như thành yêu cầu mặc định ngầm | Tương đối phổ biến | Có nhưng không tạo gánh nặng lớn cho cơ sở SXKD | Gần như không có nhưng vẫn còn một vài trường hợp | Hoàn toàn không có chi phí không chính thức | |  | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | | ***B48.*** *Đăng ký kinh doanh* |  |  |  |  |  | | ***B49.*** *Đất đai - địa chính* |  |  |  |  |  | | ***B50.*** *Xây dựng* |  |  |  |  |  | | ***B51.*** *Công thương (công nghiệp, dịch vụ - thương mại)* |  |  |  |  |  | | ***B52.*** *Nông nghiệp* |  |  |  |  |  | | ***B53.*** *Tài nguyên, môi trường* |  |  |  |  |  | | ***B54.*** *Văn hóa - thể thao - du lịch* |  |  |  |  |  |   **B55. Theo ông/bà, xu thế tăng/giảm chung về chi phí không chính thức phải chi trả khi thực hiện các TTHC hoặc các công việc liên quan tại địa phương có thay đổi như thế nào trong năm vừa qua?**   |  |  | | --- | --- | | (1) Tăng lên nhiều và trở nên phổ biến hơn  🞎 (2) Có xu thế tăng lên nhẹ  (3) Giữ nguyên mức chi trả chi phí này | (4) Giảm nhẹ  (5) Giảm đáng kể và trở nên ít phổ biến hơn hoặc hoàn toàn không có chi phí không chính thức như hiện tại | |
| **6 - CẠNH TRANH BÌNH ĐẲNG** |
| ***Cạnh tranh bình đẳng*** *được hiểu là không có sự phân biệt đối xử giữa các cơ sở SXKD với nhau (cơ sở SXKD lớn với cơ sở SXKD nhỏ, giữa cơ sở SXKD với cơ sở SXKD “thân hữu” với chính quyền), giữa HKD với DN/HTX.*  **B56-B59. Ông/bà đánh giá thế nào về các nhận định sau ở quận/huyện mình:**   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Các nhận định** | Hoàn toàn đồng ý | Đồng ý | Đồng ý một phần | Không  đồng ý | Hoàn toàn không đồng ý | |  | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | | ***B56.*** *“Thông tin, cơ hội kinh doanh, chính sách ưu đãi, hỗ trợ của quận/huyện chỉ rơi vào tay các cơ sở SXKD lớn, cơ sở SXKD thân hữu với chính quyền”.* |  |  |  |  |  | | ***B57.*** *“Chính quyền địa phương chỉ ưu ái thực hiện TTHC đối với cơ sở SXKD lớn, cơ sở SXKD thân hữu với chính quyền so với cơ sở SXKD nhỏ và vừa”.* |  |  |  |  |  | | ***B58.*** *“Chính quyền địa phương chỉ ưu tiên giải quyết kiến nghị, khó khăn đối với cơ sở SXKD lớn, cơ sở SXKD thân hữu với chính quyền so với cơ sở SXKD nhỏ và vừa”.* |  |  |  |  |  | | ***B59.*** *“Chính quyền địa phương thường “nhẹ tay” trong công tác thanh tra, kiểm tra với các cơ sở SXKD lớn, thân hữu với chính quyền”* |  |  |  |  |  | |
| **7 - HỖ TRỢ SẢN XUẤT, KINH DOANH** |
| **B60. Ông/bà đánh giá thế nào về mức độ cung cấp thông tin triển khai các chương trình, chính sách, sáng kiến, hoạt động (của trung ương và thành phố) dành riêng cho hỗ trợ các cơ sở SXKD của quận, huyện?**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | (1) Hoàn toàn không cung cấp | (2) Có cung cấp nhưng hạn chế | (3) Bình thường | (4) Tương đối chủ động, tích cực cung cấp | (5) Rất chủ động, tích cực cung cấp |   **B61. Trong năm vừa qua, ông/bà có hay được mời/thông báo tham gia các chương trình hỗ trợ cơ sở SXKD (khóa đào tạo, tập huấn, phổ biến chủ trương, chính sách vay vốn, nước sạch, nông thôn mới…) do quận, huyện tổ chức?**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | (1) Không được mời | (2) Hiếm khi | (3) Thỉnh thoảng | (4) Thường xuyên được mời | (5) Luôn luôn được mời |   **B62. Ông/bà đánh giá thế nào về thủ tục để được hưởng các chương trình hỗ trợ sản xuất kinh doanh ở quận/huyện?**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | (1) Không được hưởng/ Quá phức tạp để được thụ hưởng | (2) Khá phức tạp thực hiện để thụ hưởng | (3) Bình thường | (4) Khá dễ dàng thực hiện để thụ hưởng | (5) Rất dễ dàng thực hiện để thụ hưởng |   **B63-B69. Theo quan sát và kinh nghiệm, ông/bà đánh giá thế nào về THIẾT KẾ VÀ HIỆU QUẢ THỰC HIỆN của các chương trình hỗ trợ sản xuất kinh doanh sau của quận, huyện:**   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Các chương trình** | Rất kém | Kém | Bình thường | Tốt | Rất tốt | |  | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | | ***B63****. Hỗ trợ khởi sự kinh doanh* |  |  |  |  |  | | ***B64.*** *Hỗ trợ các vấn đề liên quan tới thuế* |  |  |  |  |  | | ***B65.*** *Xúc tiến thương mại, hỗ trợ liên kết, kết nối cung cầu, hỗ trợ tìm kiếm thị trường tiêu thụ, quảng bá sản phẩm* |  |  |  |  |  | | ***B66.*** *Hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp và tuyển dụng lao động cho người lao động trên địa bàn* |  |  |  |  |  | | ***B67.*** *Hỗ trợ về vốn vay ưu đãi, tín dụng sản xuất kinh doanh* |  |  |  |  |  | | ***B68.*** *Công tác thi đua, khen thưởng đối với các cơ sở SXKD có thành tích xuất sắc trong sản xuất kinh doanh, đóng góp cho xã hội, cộng đồng* |  |  |  |  |  | | ***B69.*** *Hỗ trợ các cơ sở SXKD trong các trường hợp chịu ảnh hưởng biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh (VD: Covid -19)* |  |  |  |  |  |   **B70. Ông/bà đánh giá thế nào về nhận định: *“Chính quyền địa phương luôn quan tâm tới các cơ sở SXKD nhỏ, cơ sở do phụ nữ, người yếu thế làm chủ và có nhiều chương trình hỗ trợ hiệu quả, khuyến khích các mô hình kinh tế mới, chuyển đổi mô hình kinh doanh”?***   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | (1) Hoàn toàn không đồng ý | (2) Không  đồng ý | (3) Đồng ý  một phần | (4) Đồng ý | (5) Hoàn toàn đồng ý | |  |  |  |  |  | |
| **8 - HIỆU LỰC THỰC THI VĂN BẢN CHÍNH SÁCH, HIỆU LỰC THIẾT CHẾ VÀ AN NINH TRẬT TỰ** |
| **B71. Ông bà đánh giá thế nào về hiệu quả thực hiện các chính sách, văn bản pháp luật do UBND quận, huyện triển khai và thực thi?**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | (1) Không hiệu quả, nhiều sai phạm | (2) Kém hiệu quả, còn sai phạm | (3) Bình thường | (4) Tương đối hiệu quả, nghiêm minh | (5) Rất hiệu quả, nghiêm minh, đúng quy định |   **B72. Ông bà đánh giá thế nào về hoạt động công khai, tuyên truyền, phổ biến các chính sách, văn bản pháp luật của UBND quận, huyện trong thời gian qua?**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | (1) Rất kém hiệu quả | (2) Chưa hiệu quả | (3) Bình thường | (4) Tương đối hiệu quả | (5) Rất hiệu quả |   **B73-B75. Theo kinh nghiệm hoặc quan sát của ông/bà về các trường hợp từng khiếu nại, tố cáo hành vi phạm lên UBND cấp quận, huyện, ông/bà đánh giá thế nào về các nhận định sau liên quan đến công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo của UBND cấp quận, huyện?**   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Các nhận định** | Hoàn toàn không đồng ý | Không đồng ý | Đồng ý một phần | Đồng ý | Hoàn toàn đồng ý | |  | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | | ***B73.*** *“Các cơ quan cấp quận, huyện luôn hỗ trợ pháp lý, có kênh/cơ chế tiếp nhận thông tin phản ánh, khiếu nại, tố cáo cho các cơ sở SXKD khi họ có phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo hành vi vi phạm”* |  |  |  |  |  | | ***B74.*** *“Hoạt động tiếp và đối thoại DN, HTX, HKD của quận/huyện hiệu quả”* |  |  |  |  |  | | ***B75.*** *“Cơ chế giải quyết khiếu nại, tố cáo kịp thời, minh bạch, công bằng, không phải vượt cấp”* |  |  |  |  |  |   **B76-B78. Ông/bà đồng ý thế nào nào về nhận định:**   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Các nhận định** | Hoàn toàn không đồng ý | Không đồng ý | Đồng ý một phần | Đồng ý | Hoàn toàn đồng ý | |  | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | | ***B76.*** *“UBND quận, huyện đã giải quyết hiệu quả các vụ việc liên quan tới an ninh, trật tự của các cơ sở SXKD, đảm bảo an ninh, tạo sự yên tâm”* |  |  |  |  |  | | ***B77.*** *“Hiện tượng tội phạm quấy nhiễu cơ sở SXKD tại địa phương hoàn toàn không còn tồn tại”* |  |  |  |  |  | | ***B78.*** *“Hoàn toàn không có hiện tượng cơ sở SXKD phải chi trả tiền cho các nhóm đối tượng để được yên ổn làm ăn”* |  |  |  |  |  | |
| **9 - TIẾP CẬN ĐẤT ĐAI** |
| **B79. Ông/ bà đánh giá thế nào về mức độ khó khăn hoặc thuận lợi để có được địa điểm kinh doanh như hiện tại?**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | (1) Vô cùng  khó khăn | (2) Khá khó khăn | (3) Bình thường | (4) Tương đối thuận lợi | (5) Rất thuận lợi |   **B80. Rủi ro mặt bằng kinh doanh của ông/ bà bị thu hồi, giải tỏa có cao không?**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | (1) Rất cao | (2) Cao | (3) Bình thường | (4) Thấp | (5) Rất thấp |   **B81. Ông/bà đánh giá thế nào về tính chủ động trong giải quyết các vướng mắc về đất đai gây bức xúc ở địa phương của UBND cấp quận, huyện?**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | (1) Không giải quyết | (2) Giải quyết qua loa cho có | (3) Có giải quyết ở mức chấp nhận được | (4) Tương đối chủ động, giải quyết tốt | (5) Nỗ lực, chủ động giải quyết tốt trong phạm vi, quyền hạn |   **B82-B85. Ông/bà đánh giá thế nào về các nhận định sau:**   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Các nhận định** | Hoàn toàn không đồng ý | Không đồng ý | Đồng ý một phần | Đồng ý | Hoàn toàn đồng ý | |  | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | | ***B82.*** *“Cơ sở SXKD rất dễ dàng trong việc tiếp cận quỹ đất sạch hoặc thuê đất tại các khu đất mới được quy hoạch (cụm CN…)”* |  |  |  |  |  | | ***B83.*** *“Giải phóng mặt bằng nhanh chóng, đúng tiến độ”* |  |  |  |  |  | | ***B84.*** *“Việc xác minh nguồn gốc đất tại địa phương và giải quyết hồ sơ đất đai nhanh chóng và đúng quy định”* |  |  |  |  |  | | ***B85.*** *“Thẩm định phương án bồi thường rất thỏa đáng”* |  |  |  |  |  | |

|  |
| --- |
| **C. Ý KIẾN ĐÓNG GÓP** |
| **Ông/bà vui lòng liệt kê các vấn đề khó khăn nhất và đề xuất với lãnh đạo địa phương khi làm việc tại quận/huyện hoặc của thành phố nhằm cải thiện chất lượng điều hành, quản lý và môi trường đầu tư, kinh doanh cho DN/HTX/HKD?**  ………………………………………………………………………………………………………………………..  ………………………………………………………………………………………………………………………..  ……………………………………………………………………………………………………………………….. |

**Chân thành cảm ơn đóng góp ý kiến của ông/ bà!**